

Số: 18/2026/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 14 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm
2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các
điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;*

*Căn cứ Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán
bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan,
đơn vị khác;*

*Xét Tờ trình số 216/TTr-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thường
trực Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định một số
chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn
tỉnh Nghệ An.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chế độ
chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh
Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; các cơ
quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân
dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân
tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 9 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An ban hành kèm theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT 



CHỦ TỊCH

Hoàng Nghĩa Hiếu



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chế độ chi tiêu tài chính bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Hội đồng nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là HĐND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này được áp dụng cho các đối tượng sau đây: Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp HĐND, đại biểu HĐND các cấp và các đối tượng khác phục vụ cho hoạt động của HĐND.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND phải sử dụng có hiệu quả trên cơ sở chế độ, định mức quy định tại Nghị quyết này và các quy định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, đáp ứng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Trường hợp các khoản chi có tính chất đột xuất cần thiết nhưng chưa được bố trí trong dự toán thì Thường trực HĐND tỉnh chuyển UBND tỉnh xem xét cân đối nguồn xử lý theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

3. Việc chi phục vụ cho các đoàn công tác của Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các Tổ đại biểu HĐND do HĐND cấp triệu tập bảo đảm.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chi phục vụ kỳ họp HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi xây dựng văn bản			
a) Báo cáo tổng hợp kết quả thảo luận tại các tổ: - Báo cáo tổng hợp tại mỗi tổ - Báo cáo tổng hợp chung	đồng/báo cáo đồng/báo cáo	500.000 2.000.000	200.000 1.000.000
b) Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị cử tri trước, sau kỳ họp	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
c) Báo cáo kết quả hoạt động 6 tháng, năm của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	đồng/báo cáo	1.000.000	500.000
d) Báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ của Thường trực HĐND, các Ban HĐND	đồng/báo cáo	2.000.000	1.000.000
đ) Báo cáo thẩm tra, tổng hợp thẩm tra các báo cáo trình kỳ họp của Thường trực HĐND, các Ban HĐND (trừ các báo cáo thẩm tra đối với các văn bản quy phạm pháp luật)	đồng/báo cáo	500.000	300.000
e) Nhóm các văn bản của Thường trực HĐND gồm chương trình kỳ họp, định hướng thảo luận, nội dung kết luận chất vấn, đề cương báo cáo kết quả kỳ họp	đồng/nhóm văn bản	2.000.000	500.000
2. Chế độ bồi dưỡng			
a) Chủ tọa kỳ họp	đồng/người/buổi	500.000	300.000
b) Thư ký kỳ họp	đồng/người/buổi	300.000	200.000
c) Ban kiểm phiếu (nếu có)	đồng/người/buổi	200.000	100.000
3. Chế độ ăn, nghỉ, giải khát giữa giờ			
a) Chế độ ăn	Những người không có nhu cầu bố trí ăn thì được thanh toán bằng tiền theo ngày tham		

	gia thực tế.		
- Đại biểu HĐND, khách mời, cán bộ, công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/buổi	250.000	150.000
- Phóng viên, lái xe, an ninh, công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/buổi	200.000	100.000
b) Chế độ giải khát giữa giờ	đồng/người/buổi	50.000	50.000
c) Chế độ nghỉ	Đại biểu HĐND, khách mời, lái xe ở xa về dự các kỳ họp HĐND được bố trí phòng nghỉ theo định mức quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND.		
4. Chế độ hỗ trợ đi lại đối với đại biểu ngoài biên chế dự kỳ họp			
a) Vùng núi	đồng/người/ kỳ họp	500.000	200.000
b) Vùng đồng bằng	đồng/người/ kỳ họp	300.000	150.000
5. Chế độ hỗ trợ điện thoại đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã phục vụ kỳ họp			
a) Kỳ họp thường lệ			
- Lãnh đạo Văn phòng	đồng/người/ kỳ họp	350.000	150.000
- Công chức, người lao động phục vụ trực tiếp	đồng/người/ kỳ họp	250.000	100.000
- Công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ kỳ họp	200.000	80.000
b) Kỳ họp chuyên đề			
- Lãnh đạo Văn phòng	đồng/người/ kỳ họp	250.000	100.000
- Công chức, người lao động	đồng/người/	150.000	80.000

phục vụ trực tiếp	kỳ họp		
- Công chức, người lao động phục vụ gián tiếp	đồng/người/ kỳ họp	100.000	50.000
6. Chế độ hỗ trợ đối với Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp tham gia tổng hợp chung ý kiến thảo luận của các tổ tại kỳ họp			
a) Lãnh đạo Văn phòng	đồng/người/ kỳ họp	500.000	250.000
b) Bộ phận tổng hợp	đồng/người/ kỳ họp	300.000	200.000
7. Hỗ trợ họp ngoài giờ			
Trường hợp kỳ họp HĐND tổ chức vào ngày nghỉ (thứ Bảy, Chủ nhật, ngày lễ): Đại biểu HĐND; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã trực tiếp phục vụ hoạt động của HĐND được hỗ trợ thêm tiền làm việc vào ngày nghỉ bằng định mức tiền ăn quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.			
8. Chi xây dựng và hoàn thiện Nghị quyết của HĐND			
a) Đối với Nghị quyết Quy phạm pháp luật	Thực hiện theo Nghị quyết HĐND tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An.		
b) Chi hỗ trợ xây dựng, rà soát, chỉnh lý, hoàn thiện nội dung, thể thức và phát hành Nghị quyết cá biệt (Riêng đối với Nghị quyết về nhân sự, áp dụng mức chi bằng ½ mức chi bên)	đồng/ nghị quyết	700.000	400.000

Điều 4. Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, giao ban, hội thảo, tập huấn của Thường trực, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND

Chế độ, định mức chi bồi dưỡng, ăn, nghỉ, giải khát giữa giờ, hỗ trợ họp ngoài giờ: Thực hiện như kỳ họp HĐND.

Điều 5. Chi hỗ trợ hoạt động giám sát, khảo sát

Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các thành phần

tham gia và các đối tượng phục vụ đoàn giám sát, khảo sát được hỗ trợ như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chi hỗ trợ đoàn giám sát, khảo sát của Thường trực, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND			
a) Chủ trì	đồng/người/buổi	200.000	100.000
b) Thành viên, thành phần mời tham gia; công chức, người lao động giúp việc của đoàn	đồng/người/buổi	150.000	80.000
c) Phóng viên, lái xe, phục vụ đoàn	đồng/người/buổi	100.000	50.000
2. Chi xây dựng các văn bản phục vụ Đoàn giám sát, khảo sát			
a) Kế hoạch, đề cương giám sát, khảo sát	đồng/cuộc	1.000.000	500.000
b) Báo cáo kết quả giám sát	đồng/cuộc	1.500.000	600.000
c) Báo cáo kết quả khảo sát	đồng/cuộc	1.000.000	400.000

Điều 6. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Hỗ trợ mỗi điểm tiếp xúc cử tri các chi phí cần thiết như: Trang trí, hội trường, nước uống, bảo vệ và các khoản chi khác. Trường hợp có sự phối hợp tiếp xúc cử tri của 2 cấp tại một điểm thì áp dụng mức chi của cấp cao hơn, do HĐND tỉnh chi trả.	đồng/điểm/đợt tiếp xúc cử tri	3.000.000	2.000.000
2. Chi hỗ trợ đại biểu tiếp xúc cử tri (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định).	đồng/đại biểu/năm	1.500.000	500.000

Điều 7. Chi tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh về mức chi bồi dưỡng đối với người làm nhiệm vụ tiếp

công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 8. Chi hỗ trợ đại biểu HĐND hoạt động kiêm nhiệm

Người nào kiêm nhiệm đồng thời nhiều chức danh cùng cấp thì chỉ được hưởng chức danh có mức hỗ trợ hoạt động kiêm nhiệm cao nhất.

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chủ tịch HĐND	Thực hiện theo Thông tư số 78/2005/BNV ngày 10/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác.		
2. Phó Chủ tịch HĐND	mức lương cơ sở/người/tháng	0,55	0,35
3. Trưởng các Ban của HĐND	mức lương cơ sở/người/tháng	0,45	0,20
4. Phó Trưởng các Ban của HĐND	mức lương cơ sở/người/tháng	0,35	0,13
5. Ủy viên các Ban của HĐND	mức lương cơ sở/người/tháng	0,30	0,10
6. Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND	mức lương cơ sở/người/tháng	0,20	0,07

Điều 9. Chi hỗ trợ đối với đại biểu HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Chế độ báo chí	Thường trực HĐND cùng cấp quyết định. Trường hợp đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.		
2. Tiền lương, hoạt động phí	Thực hiện theo Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.		
3. Tiền trang phục (lễ phục) Một nhiệm kỳ, đại biểu HĐND	đồng/bộ	5.000.000	3.000.000

được cấp tiền may 02 bộ trang phục. Trường hợp đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.			
4. Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe. Trường hợp đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.	đồng/người/năm	1.000.000	500.000
5. Trang cấp thiết bị	Một nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được trang cấp 01 máy vi tính xách tay hoặc 01 máy tính bảng kèm theo các phụ kiện và thiết bị kết nối internet. Mức chi tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Trường hợp đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.		
6. Chi khoán cấp tài liệu (khai thác internet, ứng dụng chuyển đổi số, mua các loại tài liệu, báo chí phục vụ hoạt động đại biểu). Trường hợp đại biểu HĐND hai cấp thì chỉ được hưởng ở mức cao nhất.	đồng/người/tháng	1.000.000	300.000
7. Nghiên cứu tài liệu (riêng đối với đại biểu hoạt động chuyên trách được thực hiện mức chi gấp đôi mức chi này).	đồng/người/năm	1.000.000	700.000

Điều 10. Chế độ công tác phí và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Chế độ công tác phí	- Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 10/7/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND. HĐND chỉ thanh toán công tác phí
------------------------	---

	cho đại biểu đi giám sát, khảo sát hoặc thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực, lãnh đạo các Ban HĐND. - Chế độ công tác phí của đại biểu HĐND đi tiếp xúc cử tri, tiếp công dân và thực hiện nhiệm vụ đại biểu do cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả.
2. Chế độ sử dụng xe ô tô phục vụ công tác	- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác. - Cơ quan nơi đại biểu HĐND công tác dự kiến chi phí sử dụng xe ô tô phục vụ hoạt động của đại biểu HĐND và đưa vào dự toán kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để chi trả theo đúng quy định.

Điều 11. Một số chế độ chi khác phục vụ hoạt động của HĐND

Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1. Thuê chuyên gia	đồng/chuyên đề	2.000.000	1.000.000
2. Công tác tham vấn ý kiến nhân dân; thông tin, tuyên truyền, học tập kinh nghiệm	Thường trực HĐND cùng cấp quyết định		
3. Xây dựng văn bản Xây dựng các văn bản phục vụ các cuộc họp, hội nghị, giao ban, giải trình, chất vấn, hội thảo của Thường trực HDND, các ban HĐND; báo cáo chuyên đề, văn bản thẩm tra và cho ý kiến của Thường trực HĐND, các ban HĐND đối với những vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp	đồng/văn bản	500.000	200.000

4. Thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp			
a) Thăm hỏi đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực, lãnh đạo các Ban của HĐND ốm đau	đồng/người/lần	1.000.000	500.000
b) Thăm viếng (kèm theo 01 vòng hoa)			
- Đại biểu HĐND đương nhiệm	đồng/người	2.000.000	1.000.000
- Cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ (chồng); vợ (chồng); con của đại biểu HĐND đương nhiệm, các vị nguyên là Thường trực, lãnh đạo các Ban của HĐND	đồng/người	1.000.000	500.000
c) Trợ cấp đại biểu HĐND đương nhiệm bị bệnh hiểm nghèo, đặc biệt khó khăn đột xuất (tối đa 2 lần/người/năm)	đồng/người/lần	3.000.000	2.000.000
d) Trường hợp đặc biệt khác: Do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định			
5. Tặng quà các đối tượng chính sách; các đơn vị nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh, bệnh binh, người có công, các đơn vị làm công tác chính sách; các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, có đóng góp đối với hoạt động của HĐND; các trường hợp gặp rủi ro, thiên tai và các trường hợp đối ngoại khác, mức chi tối đa như sau:			
a) Cá nhân	đồng/người	2.000.000	1.000.000
b) Tập thể	đồng/tập thể	5.000.000	2.000.000
6. Tặng quà lưu niệm			
a) Đại biểu HĐND khi nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra khỏi địa phương mà mình là đại biểu	đồng/người	2.000.000	1.000.000
b) Kết thúc nhiệm kỳ	Đối tượng và quà tặng do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định		
7. Đối với cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; cán bộ, công chức, người lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND cấp xã phục vụ hoạt động của HĐND (Trường hợp một người đồng thời thuộc đối tượng áp dụng cùng nội dung chính sách tại khoản này và tại quy định khác của Nghị quyết này thì chỉ được hưởng một mức cao nhất).			
a) Thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp, tặng quà	Áp dụng như đối với đại biểu HĐND		



b) Trang phục: Mỗi nhiệm kỳ, cán bộ, công chức, người lao động được cấp tiền may 02 bộ trang phục	đồng/bộ	3.000.000	2.000.000
c) Khoản cấp tài liệu (khai thác internet, ứng dụng chuyển đổi số, mua các loại tài liệu phục vụ công tác tham mưu)			
- Lãnh đạo Văn phòng	đồng/người/tháng	700.000	200.000
- Công chức, người lao động phục vụ trực tiếp HĐND	đồng/người/tháng	500.000	150.000
- Công chức, người lao động phục vụ gián tiếp HĐND	đồng/người/tháng	300.000	100.000
d) Khoản nghiên cứu tài liệu			
- Lãnh đạo Văn phòng	đồng/người/tháng	700.000	100.000
- Công chức, người lao động trực tiếp tham mưu giúp việc HĐND	đồng/người/tháng	500.000	50.000
đ) Trang cấp thiết bị	Đối tượng và thiết bị trang cấp do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định. Mức chi tối đa áp dụng theo quy định hiện hành của nhà nước.		

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Kinh phí thực hiện chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của HĐND các cấp được bố trí trong dự toán thu, chi ngân sách nhà nước của địa phương hàng năm theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Điều 13. Các khoản chi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo chế độ, định mức hiện hành của Nhà nước hoặc theo phê duyệt của Thường trực HĐND tỉnh. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.